SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC ĐƠN VỊ THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày / / của Sở Nông nghiệp và PTNT)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệnh	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc														
					Văn phòng sở	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Chăn nuôi - Thú y	Chi cục Thuỷ sản	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Thuỷ lợi	Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản	Chi cục Phát triển nông thôn	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn	BQL Công viên động vật hoang dã Quốc gia	Trung tâm khuyến nông - khuyến lâm - khuyến ngư	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao và Xúc tiến thương mại	Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT (1018508)
1	2	3	4	5=4-3	6	**7**	8	**9**	10	**11**	12	**13**	14	**15**	16	**17**	18	**19**	
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**1.404**	**1.404**		**620**	**57**	**275**	**71**	**310**		**72**								
I	**Số thu phí, lệ phí**	**1.404**	**1.404**		620	57	275	71	310		72								
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**903**	**903**		**558**	**42**	**246**				**57**								
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**502**	**502**		**62**	**14**	**29**	**71**	**310**		**14**								
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**119.905**	**119.905**		**11.114**	**9.541**	**16.261**	**11.497**	**16.234**	**12.185**	**4.006**	**7.036**	**1.671**	**2.819**	**5.722**	**3.299**	**6.707**	**2.314**	**9.500**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**119.905**	**119.905**		**11.114**	**9.541**	**16.261**	**11.497**	**16.234**	**12.185**	**4.006**	**7.036**	**1.671**	**2.819**	**5.722**	**3.299**	**6.707**	**2.314**	**9.500**
1	**Chi quản lý hành chính**	**46.234**	**46.234**		**9.914**	**3.608**	**4.084**	**3.963**	**9.669**	**8.949**	**2.065**	**3.982**							
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	**42.585**	**42.585**		6.325	3.608	4.084	3.963	9.669	8.949	2.005	3.982							
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	**3.649**	**3.649**		3.588						61								
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**																		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ																		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia																		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ																		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở																		

2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng																		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**50**	**50**		**36**		**2**			**2**					**4**	**6**			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**50**	**50**		36		2			2					4	6			
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**																		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		
5	**Chi bảo đảm xã hội**																		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**73.448**	**73.448**		**1.164**	**5.933**	**12.175**	**7.361**	**6.565**	**3.235**	**1.941**	**3.054**	**1.671**	**2.819**	**5.718**	**3.293**	**6.707**	**2.314**	**9.500**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**9.980**	**9.980**		308									2.109	2.846	2.162	2.147	407	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**63.468**	**63.468**		856	5.933	12.175	7.361	6.565	3.235	1.941	3.054	1.671	710	2.871	1.131	4.560	1.907	9.500
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**174**						**174**											
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**174**						174											
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**																		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thôi**																		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**																		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		
II	**Nguồn vốn viện trợ**																		
1	**Chi quản lý hành chính**																		
1.1	Dự án A																		
1.2	Dự án B																		
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**																		
2.1	Dự án A																		
2.2	Dự án B																		
3	**nghề**																		
3.1	Dự án A																		
3.2	Dự án B																		
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**																		
4.1	Dự án A																		
4.2	Dự án B																		
5	**Chi bảo đảm xã hội**																		
5.1	Dự án A																		
2.2	Dự án B																		
6	**Chi hoạt động kinh tế**																		

6.1	Dự án A																		
6.2	Dự án B																		
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**																		
7.1	Dự án A																		
7.2	Dự án B																		
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**																		
8.1	Dự án A																		
8.2	Dự án B																		
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**																		
9.1	Dự án A																		
9.2	Dự án B																		
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**																		
10.1	Dự án A																		
10.2	Dự án B																		
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**																		
1	**Chi quản lý hành chính**																		
1.1	Dự án A																		
1.2	Dự án B																		
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**																		
2.1	Dự án A																		
2.2	Dự án B																		
3	**nghề**																		
3.1	Dự án A																		
3.2	Dự án B																		
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**																		
4.1	Dự án A																		
4.2	Dự án B																		
5	**Chi bảo đảm xã hội**																		
5.1	Dự án A																		
2.2	Dự án B																		
6	**Chi hoạt động kinh tế**																		
6.1	Dự án A																		
6.2	Dự án B																		
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**																		
7.1	Dự án A																		
7.2	Dự án B																		
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**																		
8.1	Dự án A																		
8.2	Dự án B																		
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**																		
9.1	Dự án A																		
9.2	Dự án B																		
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**																		
10.1	Dự án A																		
10.2	Dự án B																		